

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ TÀI NGUYÊN, KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ TÀI NGUYÊN

[01]

☐ Khai theo tháng/ lần phát sinh:
 Kỳ tính thuế: Tháng ..... năm ...../Lần phát sinh: Ngày .... tháng .... năm .....

☐

Khai quyết toán: Kỳ tính thuế: Năm ....

[02]

Lần đầu: ☐

[03]

Bổ sung lần thứ:...

[04]

Tên người nộp thuế:.....

[05]

Mã số thuế: .....

[06]

Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có):.....

[07]

Mã số thuế: .....

[08]

Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số:..... ngày:.....

[09]

Địa chỉ nơi khai thác tài nguyên khác tỉnh với nơi đóng trụ sở chính:

[09a]

Xã/phường/đặc khu: .....

[09b]

Tỉnh/Thành phố: .....

I. Khai thuế tài nguyên theo tháng hoặc theo từng lần phát sinh

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

| STT | Tên loại tài nguyên   | Sản lượng tài nguyên tính thuế |           | Giá tính thuế đơn vị tài nguyên | Thuế suất (%) | Mức thuế tài nguyên ấn định trên 1 đơn vị tài nguyên | Thuế tài nguyên phải nộp                      |
|-----|-----------------------|--------------------------------|-----------|---------------------------------|---------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|
|     |                       | Đơn vị tính                    | Sản lượng |                                 |               |                                                      |                                               |
| (1) | (2)                   | (3)                            | (4)       | (5)                             | (6)           | (7)                                                  | (8) = (4) x (5) x (6)<br>hoặc (8) = (4) x (7) |
| A   | Tài nguyên khai thác: |                                |           |                                 |               |                                                      |                                               |
| I   | Khoáng sản            |                                |           |                                 |               |                                                      |                                               |

| STT       | Tên loại tài nguyên                 | Sản lượng tài nguyên tính thuế |           | Giá tính thuế đơn vị tài nguyên | Thuế suất (%) | Mức thuế tài nguyên ấn định trên 1 đơn vị tài nguyên | Thuế tài nguyên phải nộp                      |
|-----------|-------------------------------------|--------------------------------|-----------|---------------------------------|---------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|
|           |                                     | Đơn vị tính                    | Sản lượng |                                 |               |                                                      |                                               |
| (1)       | (2)                                 | (3)                            | (4)       | (5)                             | (6)           | (7)                                                  | (8) = (4) x (5) x (6)<br>hoặc (8) = (4) x (7) |
| 1         | Mỏ khoáng sản....                   |                                |           |                                 |               |                                                      |                                               |
|           | Khoáng sản ...                      |                                |           |                                 |               |                                                      |                                               |
|           | Khoáng sản ...                      |                                |           |                                 |               |                                                      |                                               |
| 2         | Mỏ khoáng sản....                   |                                |           |                                 |               |                                                      |                                               |
|           | Khoáng sản ...                      |                                |           |                                 |               |                                                      |                                               |
|           | Khoáng sản ...                      |                                |           |                                 |               |                                                      |                                               |
| <b>II</b> | <b>Tài nguyên khác</b>              |                                |           |                                 |               |                                                      |                                               |
| 1         | Khu vực khai thác ....              |                                |           |                                 |               |                                                      |                                               |
|           | Tài nguyên ...                      |                                |           |                                 |               |                                                      |                                               |
|           | Tài nguyên ...                      |                                |           |                                 |               |                                                      |                                               |
| 2         | Khu vực khai thác ....              |                                |           |                                 |               |                                                      |                                               |
|           | Tài nguyên ...                      |                                |           |                                 |               |                                                      |                                               |
|           | Tài nguyên ...                      |                                |           |                                 |               |                                                      |                                               |
| <b>B</b>  | <b>Tài nguyên thu mua nộp thay:</b> |                                |           |                                 |               |                                                      |                                               |
| 1         | Tài nguyên ...                      |                                |           |                                 |               |                                                      |                                               |
| 2         | Tài nguyên ...                      |                                |           |                                 |               |                                                      |                                               |
| <b>C</b>  | <b>Tài nguyên bắt giữ, tịch thu</b> |                                |           |                                 |               |                                                      |                                               |
| 1         | Tài nguyên ...                      |                                |           |                                 |               |                                                      |                                               |
| 2         | Tài nguyên ...                      |                                |           |                                 |               |                                                      |                                               |
|           | <b>Tổng cộng</b>                    |                                | <b>x</b>  |                                 |               |                                                      | <b>x</b>                                      |

## II. Khai quyết toán thuế tài nguyên

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

| STT       | Tên loại tài nguyên                 | Sản lượng tài nguyên tính thuế |           | Giá tính thuế đơn vị tài nguyên | Thuế suất (%) | Mức thuế tài nguyên ấn định trên 1 đơn vị tài nguyên | Thuế tài nguyên phải nộp theo quyết toán năm | Thuế tài nguyên đã kê khai trong năm | Chênh lệch giữa số quyết toán với đã kê khai |
|-----------|-------------------------------------|--------------------------------|-----------|---------------------------------|---------------|------------------------------------------------------|----------------------------------------------|--------------------------------------|----------------------------------------------|
|           |                                     | Đơn vị tính                    | Sản lượng |                                 |               |                                                      |                                              |                                      |                                              |
| (1)       | (2)                                 | (3)                            | (4)       | (5)                             | (6)           | (7)                                                  | (8)=(4)x(5)x(6)<br>hoặc (8)=(4)x(7)          | (9)                                  | (10) = (8) - (9)                             |
| <b>A</b>  | <b>Tài nguyên khai thác:</b>        |                                |           |                                 |               |                                                      |                                              |                                      |                                              |
| <b>I</b>  | <b>Khoáng sản</b>                   |                                |           |                                 |               |                                                      |                                              |                                      |                                              |
| 1         | Mỏ khoáng sản....                   |                                |           |                                 |               |                                                      |                                              |                                      |                                              |
|           | Khoáng sản ...                      |                                |           |                                 |               |                                                      |                                              |                                      |                                              |
|           | Khoáng sản ...                      |                                |           |                                 |               |                                                      |                                              |                                      |                                              |
| 2         | Mỏ khoáng sản....                   |                                |           |                                 |               |                                                      |                                              |                                      |                                              |
|           | Khoáng sản ...                      |                                |           |                                 |               |                                                      |                                              |                                      |                                              |
|           | Khoáng sản ...                      |                                |           |                                 |               |                                                      |                                              |                                      |                                              |
| <b>II</b> | <b>Tài nguyên khác</b>              |                                |           |                                 |               |                                                      |                                              |                                      |                                              |
| 1         | Khu vực khai thác ....              |                                |           |                                 |               |                                                      |                                              |                                      |                                              |
|           | Tài nguyên ...                      |                                |           |                                 |               |                                                      |                                              |                                      |                                              |
|           | Tài nguyên ...                      |                                |           |                                 |               |                                                      |                                              |                                      |                                              |
| 2         | Khu vực khai thác ....              |                                |           |                                 |               |                                                      |                                              |                                      |                                              |
|           | Tài nguyên ...                      |                                |           |                                 |               |                                                      |                                              |                                      |                                              |
|           | Tài nguyên ...                      |                                |           |                                 |               |                                                      |                                              |                                      |                                              |
| <b>B</b>  | <b>Tài nguyên thu mua nộp thay:</b> |                                |           |                                 |               |                                                      |                                              |                                      |                                              |

| STT | Tên loại tài nguyên | Sản lượng tài nguyên tính thuế |           | Giá tính thuế đơn vị tài nguyên | Thuế suất (%) | Mức thuế tài nguyên ấn định trên 1 đơn vị tài nguyên | Thuế tài nguyên phải nộp theo quyết toán năm | Thuế tài nguyên đã kê khai trong năm | Chênh lệch giữa số quyết toán với đã kê khai |
|-----|---------------------|--------------------------------|-----------|---------------------------------|---------------|------------------------------------------------------|----------------------------------------------|--------------------------------------|----------------------------------------------|
|     |                     | Đơn vị tính                    | Sản lượng |                                 |               |                                                      |                                              |                                      |                                              |
| (1) | (2)                 | (3)                            | (4)       | (5)                             | (6)           | (7)                                                  | (8)=(4)x(5)x(6)<br>hoặc (8)=(4)x(7)          | (9)                                  | (10) = (8) - (9)                             |
| 1   | Tài nguyên ...      |                                |           |                                 |               |                                                      |                                              |                                      |                                              |
| 2   | Tài nguyên ...      |                                |           |                                 |               |                                                      |                                              |                                      |                                              |
|     | <b>Tổng cộng</b>    |                                | <b>x</b>  |                                 |               |                                                      | <b>x</b>                                     | <b>x</b>                             | <b>x</b>                                     |

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....

Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về thuế số:.....

..., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử/Xác nhận điện tử)

*Ghi chú:*

**1. Trường hợp người nộp thuế khai thuế tài nguyên theo tháng hoặc theo từng lần phát sinh, người nộp thuế chọn vào ô khai thuế theo tháng/lần phát sinh, kê khai các chỉ tiêu từ [02] đến [09] và Mục I. Khai thuế tài nguyên như sau:**

- Đối với tài nguyên khai thác được ấn định số thuế tài nguyên phải nộp trên 1 đơn vị sản lượng tài nguyên thì thuế tài nguyên phải nộp tại chỉ tiêu (8) = (4) x (7).

- Các chỉ tiêu tại cột (2), cột (3) Tên loại tài nguyên và đơn vị tính phải đảm bảo theo đúng quy định về khung giá tính thuế tài nguyên do Bộ Tài chính quy định; Bảng giá tính thuế tài nguyên do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ban hành.

- Chỉ tiêu [09]: kê khai thông tin địa bàn nơi người nộp thuế có hoạt động khai thác tài nguyên khác tỉnh với nơi đóng trụ sở chính theo quy định tại Điều 23 Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Trường hợp người nộp thuế có hoạt động khai thác tài nguyên trên nhiều xã/phường/đặc khu thì thực hiện khai vào chỉ tiêu này như sau:

+ Nếu Thuế tỉnh, thành phố là cơ quan thuế quản lý thu, người nộp thuế khai 01 xã/phường/đặc khu đại diện nơi có phát sinh hoạt động khai thác tài nguyên.

+ Nếu Thuế cơ sở là cơ quan thuế quản lý thu, người nộp thuế khai 01 xã/phường/đặc khu đại diện thuộc Thuế cơ sở nơi có phát sinh hoạt động khai thác tài nguyên.

Trường hợp người nộp thuế có văn bản giao cho đơn vị phụ thuộc trên địa bàn có hoạt động khai thác tài nguyên khác tỉnh với nơi đóng trụ sở chính trực tiếp kê khai, nộp thuế tài nguyên thì không phải khai vào chỉ tiêu này.

## **2. Trường hợp người nộp thuế khai quyết toán thuế tài nguyên, người nộp thuế chọn vào ô khai quyết toán, kê khai các chỉ tiêu từ [02] đến [09] và Mục II. Khai quyết toán thuế tài nguyên như sau:**

- Đối với tài nguyên khai thác được ấn định số thuế tài nguyên phải nộp trên 1 đơn vị sản lượng tài nguyên thì thuế tài nguyên phải nộp theo quyết toán năm tại chỉ tiêu (8) = (4) x (7).

- Các chỉ tiêu tại cột (2), cột (3) Tên loại Tài nguyên và đơn vị tính phải đảm bảo theo đúng quy định về khung giá tính thuế tài nguyên do Bộ Tài chính quy định; Bảng giá tính thuế tài nguyên do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ban hành.

- Chỉ tiêu tại cột (9) “Thuế tài nguyên đã kê khai trong năm”: tổng hợp từ số liệu tại cột (8) Mục I của các tờ khai thuế tài nguyên mẫu số 01/TAIN của các tháng trong năm tính thuế đã nộp cho cơ quan thuế.

- Chỉ tiêu [09]: kê khai thông tin địa bàn nơi người nộp thuế có hoạt động khai thác tài nguyên khác tỉnh với nơi đóng trụ sở chính theo quy định tại Điều 23 Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Trường hợp người nộp thuế có hoạt động khai thác tài nguyên trên nhiều xã/phường/đặc khu thì thực hiện khai vào chỉ tiêu này như sau:

+ Nếu Thuế tỉnh, thành phố là cơ quan thuế quản lý thu, người nộp thuế khai 01 xã/ phường/ đặc khu đại diện nơi có phát sinh hoạt động khai thác tài nguyên;

+ Nếu Thuế cơ sở là cơ quan thuế quản lý thu, người nộp thuế khai 01 xã/phường/đặc khu đại diện thuộc Thuế cơ sở nơi có phát sinh hoạt động khai thác tài nguyên.

Trường hợp người nộp thuế có văn bản giao cho đơn vị phụ thuộc trên địa bàn có hoạt động khai thác tài nguyên khác tỉnh với nơi đóng trụ sở chính trực tiếp kê khai, nộp thuế tài nguyên thì không phải kê khai vào chỉ tiêu này.

